TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/DS-PT
Ngày: 19/12/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 191/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng hợp tác.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2022/QĐPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh H, sinh năm 1964. Có mặt

Địa chỉ: ấp Kinh Mới, xã Hưng Yên, huyện A, tỉnh K.

- *Bị đơn*: 1. Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1967. Có mặt khi tuyên án.

2. Bà Trương Ngọc L, sinh năm 1969. Vắng mặt khi tuyên án.

Cùng địa chỉ: Ấp 6 (Sáu) Biển, xã Nam Thái, huyện A, tỉnh K.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trương Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Phan Thanh H trình bày:

Vào năm 2019 - 2020, giữa ông với ông Huỳnh Văn Q, bà Trương Ngọc L có thỏa thuận về việc hùn vốn nuôi sò. Theo thỏa thuận thì ông Q có diện tích đất bãi bồi ven biển, nên có trách nhiệm mua con giống thả nuôi, quản L và thu hoạch. Đồng thời chia lãi cho ông với tỷ lệ 50% so với tổng số vốn hùn nuôi,

còn phần góp vốn ông Q và bà L giữ lại, khi nào không hùn nữa thì ông Q trả lại cho ông phần vốn đã góp, khi ký kết hợp đồng hùn vốn nuôi sò nếu có phát sinh rủi ro thì ông Q và bà L tự chịu trách nhiệm, việc này chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Lần thứ nhất: Vào ngày 17/9/2019 ông góp vốn lần đầu cho ông Q và bà L với số tiền là 60.000.000 đồng để mua con giống thả nuôi và các chi phí khác, sau một năm thu hoạch ông Q và bà L trả cho ông với số tiền là 30.000.000 đồng, các bên có lập giấy thỏa thuận ông Q ký tên và có người chứng kiến là bà Nguyễn Thị P.

Lần thứ hai: Vào ngày 28/10/2019 ông góp vốn cho ông Q và bà L với số tiền 40.000.000 đồng thỏa thuận sau một năm thu hoạch ông Huỳnh Văn Q và bà Trương Ngọc L trả cho ông với số tiền là 20.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 06/9/2020, ông góp vốn cho ông Q và bà L với số tiền 20.000.000 đồng thỏa thuận sau một năm thu hoạch vợ chồng ông Q và bà L chia cho ông với số tiền là 10.000.000 đồng.

Đến nay ông Q có chia cho ông được 46.000.000 đồng, còn số tiền vốn 120.000.000 đồng ông Q và bà L chưa trả, mặc dù ông có yêu cầu nhiều lần. Nay ông yêu cầu ông Q và bà L phải trả số tiền hùn vốn gốc là 120.000.000 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Trương Ngọc L trình bày:

Bà và ông Q chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không hạnh phúc, do ông Q không chung thủy. Khoảng 07 năm trở lại đây, ông Q có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Khi về nhà còn vô cớ đánh đập, hành hung bà đến mang thương tích. Cũng trong khoảng thời gian này, tiền bạc làm ra ông Q đều giữ lại chi xài cho cá nhân và chi xài cả cho nhân tình. Việc làm ăn tiền bạc nợ nần, trong gia đình do một tay bà quán xuyến chi tiêu, đóng lãi cho Ngân hàng và trả nợ cho các chủ nợ khác, bà đã trả dứt điểm cho ông T số tiền 160.000.000 đồng, số tiền này ông Huỳnh Văn Q vay để làm vốn nuôi sò vào tháng 8/2021 âm lịch. Do làm ăn thiếu tiền làm vốn nên thời gian qua bà có hỏi mượn tiền của một số chủ nợ, tuy ông Huỳnh Văn Q không chịu thừa nhận, cụ thể bà còn nợ các chủ nợ sau:

- Nợ Ngân hàng Bưu điện Liên việt - Phòng giao dịch huyện A số tiền 100.000.000 đồng, trong số tiền này ông Huỳnh Văn Q dùng trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kiên Long 60.000.000 đồng;

- Nợ bà Nguyễn Kiều O 200.000.000 đồng, số tiền này ông Huỳnh Văn Q là người trực tiếp mượn nợ để thuê bầu sò;

- Nợ bà Nguyễn Bảo T1 200.000.000 đồng, số tiền này ông Huỳnh Văn Q dùng để đóng lãi cho Ngân hàng và làm chi phí cào sò;

Như đã trình bày trên, thời gian qua ông Q không đóng góp một chút công sức gì cho gia đình, tất cả đều do bà trang trải lo liệu trong ngoài, thậm chí bà còn bỏ tiền ra đóng lãi cho ông Q nên dẫn đến nợ nần thiếu hụt. Vì vậy số tiền nợ ông H đưa ra buộc bà và ông Q phải trả cho ông H là bà không chấp nhận.

Bởi vì số nợ này bà hoàn toàn không hay biết, ông Q sử dụng số tiền trên không gì mục đích gia đình mà ông Q tự chi xài cá nhân, khi mượn tiền cũng không có hai vợ chồng đứng ra mượn và nhận nợ với ông H. Vì vậy bà không thống nhất trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Bà yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn Q có trách nhiệm với số tiền của ông Phan Thanh H 120.000.000 đồng.

***- Bị đơn ông Huỳnh Văn Q*:** Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q thừa nhận có hợp đồng nuôi sò và có nhận tiền hùn vốn của ông H nhiều lần, tổng cộng số tiền là 120.000.000 đồng. Nay đồng ý trả số tiền này cho ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K đã xét xử, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh H, buộc ông Huỳnh Văn Q và bà Trương Ngọc L phải trả cho ông Phan Thanh H tiền hợp tác nuôi sò là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2022 bị đơn bà Trương Ngọc L có đơn kháng cáo: Yêu cầu giải quyết bác bỏ nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Q có trách nhiệm trả số tiền 120.000.000 đồng cho ông Phan Thanh H. Vì bà không biết gì về việc ông H và ông Q có qua lại tiền bạc hùn hạp nuôi sò, không tham gia nuôi sò, không nhận tiền hùn nuôi sò từ ông H, nên bà không đồng ý cùng ông Q trả số tiền nợ trên cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Phan Thanh H và ông Huỳnh Văn Q thống nhất số tiền hùn vốn ông Q còn nợ ông H là 120.000.000đ và ông H chỉ yêu cầu ông Q trả tiền. Về cách thanh toán số tiền thì ông H cũng đồng ý với cam kết của ông Q về việc: Từ nay đến ngày 11/01/2023 (nhằm ngày 20/12/2022 âm lịch) sẽ trả cho ông H số tiền là 40.000.000đ; Đến ngày 01/3/2023 (nhằm ngày 10/02/2023 âm lịch) sẽ trả hết số tiền còn nợ là 80.000.000đ.

- Bà Trương Ngọc L giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà không đồng ý thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông H, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ L vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Ông H có hùn vốn nuôi sò với ông Q, ông Q còn giữ vốn gốc của ông H là 120.000.000đ. tại phiên tòa phúc thẩm ông H và ông Q thỏa thuận được về số tiền nợ và cách trả nợ nên đề nghị HĐXX phúc thẩm ghi nhận. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa ông H với ông Q về việc ông H chỉ yêu cầu ông Q trả số tiền nợ cho ông H, không buộc bà L thực hiện nghĩa vụ liên đới và sửa án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trương Ngọc L có mặt tham gia phiên tòa xong phần hỏi và tranh luận nhưng vắng mặt khi tuyên án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về nội dung vụ án*: Giữa ông Phan Thanh H với ông Huỳnh Văn Q có thỏa thuận hợp tác hùn vốn nuôi sò. Theo đó, ông H sẽ đầu tư tiền, khi thu hoạch thì ông Q sẽ chia cho ông H tiền lãi theo tỷ lệ là 50%. Cụ thể như sau: *Lần thứ nhất vào ngày 17/9/2020:* Ông H đầu tư số tiền là 60.000.000đ, thỏa thuận khi thu hoạch sò sẽ chia tiền lãi là 50% so với tổng số vốn, số tiền lãi sẽ được chia là 30.000.000đ (BL 38); *Lần thứ hai vào ngày 28/10/2019:* Ông H đầu tư thêm 40.000.000đ thỏa thuận khi thu hoạch sò sẽ trả tiền lãi là 20.000.000đ (BL 38); *Lần thứ 3 vào ngày 06/9/2020*: Ông H đầu tư thêm 20.000.000đ, thỏa thuận khi thu hoạch sò sẽ trả tiền lãi là 10.000.000đ (BL 39). Tổng số tiền ông H đã đầu tư để hùn nuôi sò là 120.000.000đ. Ông H thừa nhận từ khi hùn vốn đến nay thì được ông Q chia tiền lãi là 46.000.000đ. Số tiền vốn gốc thì ông Q vẫn còn giữ.

Ngoài ra, vào ngày 25/9/2020 giữa ông H với ông Q cùng lập *"Giấy thỏa thuận, V/v Hùn vốn nuôi sò trên bãi bồi ven biển…",* theo nội dung này thì ông H sẽ góp tiền hùn vốn cho ông Q là 120.000.000đ, sau 01 năm thu hoạch thì thì được chia tiền lãi là 60.000.000đ (BL 40). Tuy nhiên, ông H khẳng định hợp đồng này là tổng hợp số tiền hùn của những lần trước nên ông H không yêu cầu đối giải quyết đối với biên nhận này.

[3] *Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Trương Ngọc L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:* Bà L không thừa nhận số tiền ông H hùn vốn nuôi sò là nợ chung của bà với ông Q, vì việc ông H đưa tiền cho ông Q bà không biết và việc hùn vốn giữa ông H với ông Q không có trao đổi bàn bạc nên bà L hoàn toàn không biết về hợp đồng giữa các bên. Hơn nữa, ông H cũng thừa nhận số tiền hùn chỉ giao cho ông Q nên bà L không biết việc hùn vốn này. Đồng thời, ông Q cũng khai rằng trong thời gian ông H hùn vốn thì ông Q cũng không cho bà L biết. Vì vậy, xét kháng cáo của bà L cho rằng bà không biết việc hùn vốn giữa ông H với ông Q là có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H chỉ yêu cầu ông Q trả số tiền nợ là 120.000.000đ mà không yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới. Vì lẽ đó, chỉ cần buộc ông Q thực hiện nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hùn vốn còn nợ là 120.000.000đ là phù hợp. Về cách thanh toán nợ: Ông Q cam kết từ nay đến ngày 11/01/2023 (nhằm ngày 20/12/2022 âm lịch) sẽ trả cho ông H số tiền là 40.000.000đ; Đến ngày 01/3/2023 (nhằm ngày 10/02/2023 âm lịch) sẽ trả hết số tiền còn nợ là 80.000.000đ. Xét thấy, ông H cũng đồng ý với cách thanh toán nợ như ông Q nêu nên sự thoả thuận giữa các bên về số tiền nợ cũng như cách

thanh toán nợ là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

[4] Từ cơ sở nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc: Chấp nhận kháng cáo của bà L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DSST, ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K về việc không buộc bà L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ và sửa án phí theo quy định. Ghi nhận sự thỏa thuận về số tiền nợ và cách thanh toán nợ giữa ông H với ông Q.

[5] *Về án phí dân sự*:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Huỳnh Văn Q phải nộp.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông Phan Thanh H.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Trương Ngọc L không phải nộp, do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều: 280, 504, 507, 509 và điểm b khoản 1 Điều 512 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Ngọc L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa ông Phan Thanh H với ông Huỳnh Văn Q về việc: Ông Huỳnh Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thanh H số tiền vốn hùn hợp tác nuôi sò là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

Về cách thanh toán số tiền: Ông Huỳnh Văn Q trả cho ông Phan Thanh H số tiền 120.000.000đ bằng cách: Từ nay đến ngày 11/01/2023 (nhằm ngày 20/12/2022 âm lịch) trả số tiền là 40.000.000đ; Đến ngày 01/3/2023 (nhằm ngày 10/02/2023 âm lịch) sẽ trả hết số tiền còn nợ là 80.000.000đ.

Trường hợp, đến ngày 11/01/2023 ông Huỳnh Văn Q không thực hiện đúng theo thỏa thuận về thời hạn trả nợ thì ông Phan Thanh H có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Hoàn trả cho ông Phan Thanh H tạm ứng án phí với số tiền là 3.000.000đ, theo biên lai thu số 0004722, ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Huỳnh Văn Q phải nộp số tiền là 6.000.000đ.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Hoàn trả cho bà Trương Ngọc L tạm ứng án phí phúc thẩm với số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0004944, ngày 09/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán	**Thẩm phán**	**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
Trần Thị Trâm Anh	**Lê Quang Tấn**	**Đặng Thị Bích Vân**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Biên;
- THA dân sự huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Vân